

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục trải qua một phiên giằng co quanh đường Middle Band. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1660.70 điểm, giảm 5.39 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành dịch vụ tài chính ghi nhận hiệu suất kém nhất. Ở chiều ngược lại, Truyền thông và Bất động sản là 2 ngành có hiệu suất tốt nhất trong phiên hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Trong bối cảnh thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp, chỉ số cần một phiên bứt phá dứt khoát khỏi vùng cản SMA10 và SMA20 kèm theo khối lượng giao dịch đột biến để xác nhận tín hiệu hồi phục, hướng về đỉnh cũ 1,696.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.39** điểm, đóng cửa tại **1660.7** điểm. HNX-Index **-1.59** điểm, đóng cửa tại **276.06** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.61)**, **CTG (+0.51)**, **KDH (+0.21)**, **KBC (+0.16)**, **HDG (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.00)**, **HDB (-0.67)**, **BID (-0.57)**, **MBB (-0.55)**, **VHM (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,889** tỷ đồng, giảm **-0.48%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,995 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.78 điểm. Thị trường có **104** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **203** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2046.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-319.11 tỷ)**, **HPG (-170.82 tỷ)**, **VIX (-170.22 tỷ)**, **SHB (-166.16 tỷ)**, **VHM (-134.55 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-101.65** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
KDH (+2.37%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+1.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTG (+0.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.87%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDG (+5.10%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+3.80%)
HDC (+0.95%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.90%	-0.87%	-0.32%	-0.32%
1 tuần	-0.58%	1.30%	0.13%	-0.37%
1 tháng	-1.01%	1.45%	-0.72%	0.22%
3 tháng	16.04%	23.28%	21.09%	25.53%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,660.70	276.06	110.63
% 1D	-0.32%	-0.57%	0.13%
GTKL (tỷ VND)	24,889	2,119	559
%1D	-0.48%	10.85%	14.82%
GDNN (tỷ VND)	-2046.89	-101.65	-13.52

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	72.36	SSI	-319.11
CII	49.03	HPG	-170.82
HDG	27.59	VIX	-170.22
HHS	26.89	SHB	-166.16
HHV	21.21	VHM	-134.55

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,605	-0.50%	-0.41%
FTSE100	9,249	0.38%	0.35%
Eurostoxx	5,464	0.30%	-0.13%
Shanghai	3,828	-0.65%	0.21%
Nikkei	45,355	-0.87%	0.19%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

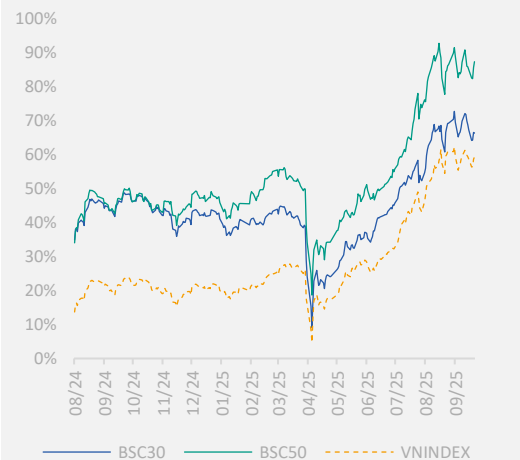
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.51	-0.19%
Giá vàng	3,750	-0.55%

Tỷ giá		
USD/VND	26,453	0.01%
EUR/VND	31,600	-0.73%
JPY/VND	181	-0.55%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.01%
LS LNH 1M	5.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

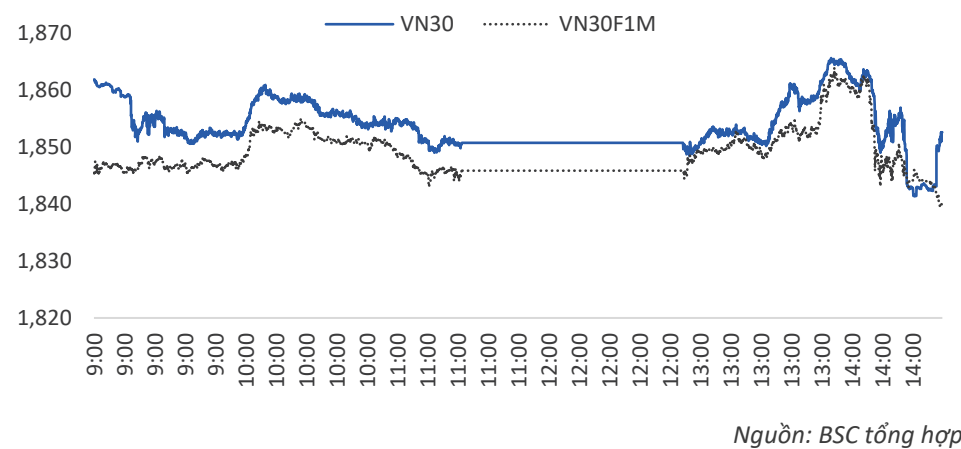
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111FB000	1840.30	-0.38%	556	-10.8%	20/11/2025	55
4111FA000	1840.00	-0.51%	244,863	6.0%	16/10/2025	20
VN30F2512	1839.00	-0.48%	220	-53.5%	18/12/2025	83
4111G3000	1818.10	-0.36%	133	90.00%	19/03/2026	174

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -6.02 điểm, đóng cửa tại 1852.65 điểm. Biên độ dao động 24.27 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VPB, HDB, HPG, VJC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 vẫn chưa thể đảo chiều trong phiên hôm nay. Chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản nằm dưới đường MA20. Tâm lý thận trọng tiếp tục bao trùm thị trường.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111FB000, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2519	3/06/2026	250	41,200	22.45%	30.00	1,500	47.1%	0.90	36.00	29.40	29.40
CVPB2510	23/02/2026	150	1,400	15.18%	23.04	6,150	21.8%	4.11	35.01	30.40	30.40
CSTB2510	19/11/2025	54	100	1.59%	44.00	3,350	15.1%	3.23	57.40	56.50	56.50
CVIC2510	3/12/2025	68	49,700	-0.15%	110.00	6,720	13.9%	6.87	163.76	164.00	164.00
CVIC2509	12/01/2026	108	39,700	2.80%	68.00	25,150	11.8%	24.24	168.60	164.00	164.00
CVIC2511	4/05/2026	220	103,300	5.89%	113.98	7,460	8.6%	6.77	173.66	164.00	164.00
CVHM2510	12/01/2026	108	600	2.16%	57.50	10,910	8.4%	10.58	101.14	99.00	99.00
CVPB2506	6/10/2025	10	15,400	6.32%	19.67	6,500	8.3%	5.53	32.32	30.40	30.40
CTCB2506	23/10/2025	27	77,300	2.53%	25.00	3,670	7.0%	3.45	39.68	38.70	38.70
CLPB2506	3/02/2026	130	700	9.16%	37.40	3,010	6.4%	2.39	52.45	48.05	48.05
CACB2511	23/09/2026	362	7,800	12.67%	23.00	2,950	4.6%	2.47	28.90	25.65	25.65
CVIC2506	20/10/2025	24	100	-3.18%	57.78	20,200	4.1%	21.28	158.78	164.00	164.00
CVHM2511	13/04/2026	199	400	4.44%	58.00	11,350	3.8%	10.63	103.40	99.00	99.00
CMBB2514	23/12/2025	88	400	2.86%	18.00	4,000	3.6%	3.76	27.00	26.25	26.25
CHPG2517	13/04/2026	199	3,900	5.99%	21.23	5,420	3.2%	4.89	30.26	28.55	28.55
CVHM2516	23/06/2026	270	16,000	10.46%	79.00	7,590	3.1%	6.25	109.36	99.00	99.00
CACB2502	26/03/2026	181	82,000	8.68%	23.40	2,680	3.1%	2.19	27.88	25.65	25.65
CVHM2514	15/12/2025	80	71,600	2.88%	72.00	5,970	2.9%	5.56	101.85	99.00	99.00
CVIC2502	27/10/2025	31	17,900	-2.74%	45.00	22,900	2.5%	23.84	159.50	164.00	164.00
CVRE2509	19/11/2025	54	1,200	3.66%	21.56	2,230	2.3%	2.00	30.48	29.40	29.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 26/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2519 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 47.06%. CMWG2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.91%.
 - CFPT2503, CVPB2524, CTPB2510, CFPT2524, CFPT2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	164.00	3.80%	8.39
CTG	50.70	0.80%	0.23
LPB	48.05	0.21%	0.20
SSB	19.50	0.26%	0.06
BCM	67.70	0.45%	0.02

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	77.90	-1.39%	-1.73
VPB	30.40	-1.78%	-1.68
HDB	30.15	-2.74%	-1.54
HPG	28.55	-0.87%	-1.51
VJC	132.50	-2.50%	-1.30

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	164.00	3.80%	5.61	3.88
CTG	50.70	0.80%	0.51	5.37
KDH	34.50	2.37%	0.21	1.12
KBC	37.60	1.90%	0.16	0.94
HDG	34.00	5.10%	0.15	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	160.60	10.00%	2.21	0.20
PVI	73.70	5.29%	0.63	0.23
DTK	12.80	7.56%	0.45	0.68
KSF	85.80	1.54%	0.27	0.30
VIF	16.30	3.82%	0.15	0.35

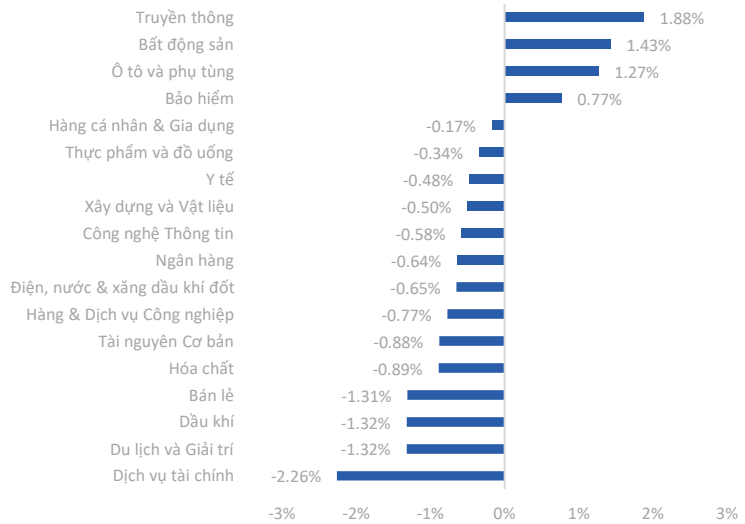
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KOS	42.15	6.98%	0.15	0.39
PMG	9.67	6.97%	0.01	0.01
BMC	18.55	6.92%	0.00	0.40
BIC	28.00	6.87%	0.09	0.34
FDC	17.20	6.83%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	27.80	9.88%	0.26	0.04
MIC	17.80	9.88%	0.06	0.11
PJC	26.70	9.88%	0.08	0.00
MVB	20.60	9.57%	0.83	0.05
QST	35.50	9.57%	0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	30.40	-1.78%	-1.00	7.93
HDB	30.15	-2.74%	-0.67	3.50
BID	40.55	-0.86%	-0.57	7.02
MBB	26.25	-1.13%	-0.55	8.05
VHM	99.00	-0.50%	-0.47	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	24.70	-3.14%	-0.48	0.89
MBS	32.50	-2.99%	-0.38	0.57
HUT	18.40	-2.13%	-0.24	0.89
PVS	33.90	-1.45%	-0.16	0.48
NVB	14.70	-1.34%	-0.16	1.17

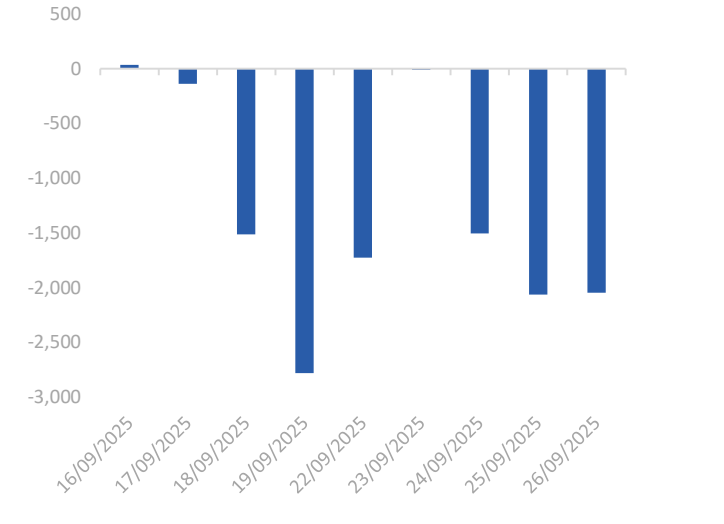
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTT	18.00	-6.98%	0.00	0.02
DAT	11.60	-6.83%	-0.01	0.02
ABR	15.30	-6.71%	0.00	0.01
SMC	16.10	-4.17%	-0.01	0.61
C47	10.95	-3.95%	0.00	0.39

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VLA	10.10	-9.82%	-0.02	0.00
PTX	27.00	-9.70%	-0.07	0.00
CET	12.30	-9.56%	-0.03	0.51
V12	10.80	-8.47%	-0.04	0.01
GIC	15.60	-8.24%	-0.06	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.9	-1.4%	1.2	116,798	426.7	3,304	23.9	84,700	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	37.6	1.9%	1.8	34,751	365.5	1,835	20.1	-	12.6%	Link
KDH	Bất động sản	34.5	2.4%	1.2	37,819	347.3	716	47.1	39,900	31.1%	Link
PDR	Bất động sản	24.6	-1.0%	1.7	24,299	554.9	177	140.4	28,200	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	99.0	-0.5%	0.9	408,687	377.9	6,984	14.3	92,000	9.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.5	-0.5%	1.0	166,944	892.8	5,092	19.3	118,700	36.9%	Link
BSR	Dầu khí	27.5	-1.6%	0.0	86,659	299.9	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.9	-1.5%	1.4	16,442	90.8	2,644	13.0	42,800	10.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.3	-1.7%	1.4	28,889	157.8	1,084	24.7		36.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	38.0	-2.6%	1.4	80,961	1574.5	1,571	24.8		38.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.0	-2.2%	1.4	31,758	264.5	1,368	32.1		26.8%	
DCM	Hóa chất	37.5	-0.5%	1.2	19,958	60.9	3,186	11.8	47,300	6.5%	Link
DGC	Hóa chất	95.4	-1.1%	1.1	36,649	92.2	8,175	11.8	109,300	12.4%	Link
ACB	Ngân hàng	25.7	0.0%	0.9	131,755	230.0	3,305	7.8	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.6	-0.9%	0.9	287,174	93.8	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.7	0.8%	1.0	270,111	530.3	5,608	9.0	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	30.2	-2.7%	1.4	108,347	381.3	4,075	7.6	30,800	17.0%	Link
MBB	Ngân hàng	26.3	-1.1%	1.1	213,860	348.2	3,046	8.7	32,000	22.4%	Link
MSB	Ngân hàng	13.1	-1.5%	1.2	41,496	83.5	1,634	8.1	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	56.5	-0.7%	1.0	107,269	675.7	6,148	9.3		18.4%	
TCB	Ngân hàng	38.7	-0.5%	1.2	275,655	475.4	3,018	12.9	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.8	-3.1%	1.1	51,254	255.2	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	63.0	0.0%	0.8	526,408	254.0	4,148	15.2	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.8	-1.5%	1.1	68,421	153.1	2,218	9.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.4	-1.8%	1.3	245,555	1687.4	2,193	14.1	35,600	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.6	-0.9%	1.1	221,053	1134.6	1,750	16.5	34,300	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.4	-0.3%	1.6	12,047	121.2	751	25.8	23,800	9.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-1.8%	1.0	10,661	107.3	4,124	6.7	31,700	4.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.2	0.0%	1.3	118,854	555.3	1,861	44.2	92,700	24.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.1	-0.7%	0.6	128,532	153.3	4,101	15.0	64,500	49.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.5	-2.12%	1.3	9,293	81.9	2,216	19.1	22.8%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	130.0	-0.91%	0.8	22,344	34.6	3,163	41.5	30.8%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.5	0.00%	0.9	41,941	14.9	3,278	17.2	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	25.2	-0.59%	1.3	16,355	554.6	211	119.6	6.5%	1.8%	
DXG	Bất động sản	22.8	-1.94%	1.6	23,638	777.1	350	66.4	23.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.1	0.95%	1.2	6,546	288.2	482	76.2	5.6%	3.8%	
HDG	Bất động sản	34.0	5.10%	1.4	11,968	589.2	540	59.9	18.6%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	40.4	-1.22%	1.2	15,522	31.7	3,977	10.3	15.9%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.0	0.24%	1.2	15,750	179.9	1,709	23.9	45.2%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	57.5	-0.35%	1.3	13,970	13.4	5,215	11.1	3.7%	28.1%	
SZC	Bất động sản	35.0	0.00%	1.3	6,300	62.1	1,978	17.7	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.0	-0.90%	1.4	19,285	237.9	1,092	20.3	10.1%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	164.0	3.80%	0.9	608,776	437.2	3,487	45.3	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	29.4	0.00%	1.2	66,806	98.6	1,937	15.2	17.0%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.5	-1.00%	0.9	8,449	17.0	1,701	23.5	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.8	-0.71%	0.8	44,534	28.2	1,661	21.1	15.8%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.7	-1.52%	1.3	12,785	111.0	1,428	16.1	3.8%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.6	-0.41%	1.3	12,716	41.1	1,348	27.2	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	32.5	-2.99%	1.6	22,067	120.6	1,505	22.3	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	-0.65%	0.8	149,362	16.4	5,002	12.4	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.0	-1.64%	0.9	35,596	137.2	636	23.9	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.3	-1.92%	0.8	36,616	44.6	4,417	15.3	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	132.5	-2.50%	0.9	80,400	236.4	3,427	39.7	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.0	-0.93%	1.4	48,278	173.9	1,736	30.8	7.4%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.0	-2.51%	1.2	30,170	161.4	3,826	18.8	41.9%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.0	-0.54%	1.1	9,338	59.5	5,700	9.7	5.7%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	-3.65%	0.9	9,023	77.3	2,306	8.3	8.7%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.8	-1.48%	0.0	12,337	29.9	3,317	30.5	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.7	-0.12%	0.9	29,127	38.3	6,115	14.1	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.3	-0.49%	0.9	3,406	40.9	2,693	11.3	49.7%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.8	-1.98%	1.3	2,477	14.2	2,841	7.1	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.3	-1.50%	1.2	18,120	43.3	957	27.8	6.7%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.5	-1.04%	1.8	115,200	37.4	1,331	21.6	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	25.7	-1.91%	1.0	48,803	161.6	1,783	14.7	5.0%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	48.1	0.21%	1.1	143,240	80.8	3,324	14.4	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.9	-1.33%	0.0	25,821	28.5	2,260	6.7	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.8	-1.16%	1.1	34,353	83.2	1,130	11.4	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.3	-0.81%	1.4	8,258	310.3	666	27.7	6.3%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	-1.78%	1.4	7,495	52.4	1,871	15.1	3.1%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	-0.14%	0.7	10,626	64.0	1,981	17.6	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.7	-0.44%	0.8	58,805	30.1	3,185	14.4	58.4%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.5	-0.50%	1.1	13,422	59.7	6,444	9.3	21.1%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	143.5	-3.04%	0.6	12,115	15.7	13,894	10.7	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.0	-0.85%	1.2	8,388	36.1	4,565	18.1	47.6%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.0	-0.55%	1.1	10,352	22.6	4,930	18.4	5.9%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.0	-2.75%	1.2	4,768	77.4	2,518	18.8	4.9%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	16.6	0.91%	1.5	8,183	454.8	1,077	15.3	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.1	-2.07%	1.2	9,513	64.8	1,189	22.4	14.5%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.7	-0.89%	1.2	18,069	339.0	1,195	23.4	7.9%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	60.0	-0.83%	1.3	27,125	67.6	3,343	18.1	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>